

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 06/09/2018

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Nguyễn Anh Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Anh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Vũ Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 09 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đoàn Trung D, sinh năm 1979

HKTT: Tổ 22 phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Triệu Thị C, sinh năm 1983

HKTT: Tổ 22 phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện ở; Số 2 ngõ 55, phố T, tổ 7 phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng: 1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950

Trú tại: Tổ 44 phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2.Chị Đoàn Thị Phương L, sinh năm 1974

Trú tại: Tổ 10 phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Đoàn Trung D trình bày như sau:***

Anh và chị Triệu Thị C lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhiều nơi đến năm 2014 thì chuyển về sinh sống ổn định tại tổ 7 phường T, Quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống hai bên nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, có lúc xảy ra xô xát. Nguyên nhân do khác biệt về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái cũng như làm ăn kinh tế gia đình. Chị C không hiểu và chia sẻ được với anh sự vất vả khi kiếm tiền, lúc nào cũng chỉ quan tâm đến tiền mà không hiểu được nỗi khổ của anh. Bản thân anh dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng với trách nhiệm của người làm chồng, làm cha anh vẫn chu toàn nhưng anh cảm thấy mệt mỏi khi sống chung với chị C vì không còn tình cảm. Hai bên gia đình đều biết được mâu thuẫn của vợ chồng, có khuyên giải, và hòa giải tại tổ dân phố. Tuy nhiên, sự bất đồng, mâu thuẫn không được khắc phục, anh không muốn quay trở về nhà để sống cùng chị C, còn với con cái anh vẫn chăm lo, đưa đón đi học. Hai bên sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, anh chuyển tạm ra ngoài ở để cuộc sống bớt mệt mỏi. Trong suốt thời gian không sống chung với nhau chị C không hề nói với anh hãy trở về nhà mà chỉ toàn tin nhắn chửi bới, đòi tiền, đòi chia tài sản. Chị C còn nhắn tin với anh là chuyển hết tài sản cho chị C thì chị mới đồng ý ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn chị C.

Về con chung: Anh và chị Triệu Thị C có 02 con chung là: Đoàn Minh T, sinh ngày 20/1/2008 và Đoàn Minh A, sinh ngày 27/7/2011. Nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu T, chị C nuôi cháu Minh A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Anh xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại Bản tự khai , biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là chị Triệu Thị C trình bày như sau:***

Chị và anh Đoàn Trung D lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2007 tại UBND xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn, anh chị sống thuê ở một số nơi, đến năm 2014 thì vợ chồng chuyển về chung sống ổn định tại tổ 7 phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có mâu thuẫn nhỏ xảy ra như các đôi vợ chồng khác, sau đó đã được giải quyết. Đến đầu năm 2018 anh D có những biểu hiện bất bình thường và đơn phương nộp đơn ly hôn ra Tòa không có sự đồng ý của chị. Anh D cũng tự ý chuyển ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trước đó, vợ chồng chị vẫn chung sống hạnh phúc, bình thường, anh D là người chồng tốt, yêu vợ thương con. Sau khi anh D ra ngoài chung sống được 02 ngày thì chị phát hiện anh ra ngoài chung sống với người phụ nữ tên T ở khu vực hồ Rùa, quận T, thành phố Hà Nội. Chị đã nói chuyện với mẹ anh D, mẹ và chị gái anh D đã đến tận nơi nói chuyện với anh D và chị T còn bản thân chị thì chưa khi nào nói chuyện trực tiếp với chị T vì nghĩ không muốn làm ầm ĩ. Sau đó vì nghĩ anh D bị vấn đề về tâm linh nên chị có đi cúng và mời thầy về lễ thì được khuyên cứ duy trì cuộc sống như hiện tại để đợi anh D hồi tâm, chuyển ý. Chị thừa nhận có việc thỏa thuận phân chia tài sản với anh D nhưng mục đích là để giữ tài sản, tiền nong cho con cái. Chị giải thích việc không lên làm việc theo giấy báo của Tòa án là vì không đồng ý ly hôn, anh D đã tự ý đơn phương ly hôn không có sự đồng ý của chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn vì còn yêu anh D và muốn các con có đầy đủ bố mẹ.

Về con chung: Chị và anh Đoàn Trung D có 02 con chung là: Đoàn Minh T, sinh ngày 20/1/2008 và Đoàn Minh A, sinh ngày 27/7/2011. Nếu phải ly hôn thì chị sẽ nuôi cháu Minh A, anh D nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Chị đồng ý nếu ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tiến hành tố tụng, chị Triệu Thị C tham gia 01 buổi họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải tại trụ sở Tòa án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ và thông báo hòa giải nhiều lần cho chị C nhưng chị C đều vắng mặt không tham gia, không tiếp cán bộ Tòa án, không cung cấp và không nhận bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án, Tòa án phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đoàn Trung D trình bày: anh xác định không còn tình cảm với chị C và yêu cầu được ly hôn. Về con chung, anh D yêu cầu được nuôi cháu T, chị Chanh sẽ nuôi cháu Minh A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung: anh vẫn giữ ý kiến để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ chung anh D xác nhận không có.

Bị đơn là chị Triệu Thị C xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn. Về con chung nếu phải ly hôn chị đồng ý như ý kiến của anh D, chị sẽ nuôi cháu Minh A, anh D nuôi cháu T. Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị đồng ý không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh D. Trong quá trình anh chị chung sống với nhau thì bà thấy anh chị cũng có những mâu thuẫn nhỏ như các đôi vợ chồng bình thường khác, không có điều gì to tát. Anh D trước khi xảy ra việc đòi ly hôn vợ là người con ngoan, có đạo đức và giỏi giang nhưng từ khi anh D gặp và đi lễ theo một người phụ nữ ở Cao Bằng thì thay đổi, dường như không còn là anh D như trước. Thời gian trước bà có được chị C nói chuyện anh D lạnh nhạt, không còn muốn quan hệ tình cảm với vợ nữa thì bà nghĩ do anh D là người hay lễ bái, tâm linh nên kiêng. Sau đó bà được biết anh D đang chung sống như vợ chồng với chị T ở khu vực hồ Con Rùa bên T, hiện chị T đang có bầu. Bà có nói chuyện với anh D nhưng anh D vẫn cương quyết muốn ly hôn chị C vì hết duyên với nhau. Bà thấy chị C là người con dâu tốt, giữa bà và chị C không có mâu thuẫn gì. Nay bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cho con cái đỡ khổ.

Người làm chứng là chị Đoàn Thị Phong L trình bày: Chị là chị gái của anh D, chị xác nhận lời trình bày của mẹ chị là đúng. Chị thấy vợ chồng D, C không có mâu thuẫn gì lớn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a k khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai thụ lý đơn ly hôn của anh Đoàn Trung D là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các Điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, phổ biến nội quy phiên tòa, quyền và nghĩa vụ của đương sự, đảm bảo việc hỏi đương sự đúng quy định. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, thực hiện đầy đủ, đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009: Xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của anh Đoàn Trung D về việc yêu cầu ly hôn đối với chị Triệu Thị C. Giao con chung là cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 20/1/2008 cho anh Đoàn Trung D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Minh A, sinh ngày 27/7/2011 cho chị Triệu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung, khoản nợ chung không giải quyết. Về án phí anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn là anh Đoàn Trung D, Hội đồng xét xử thấy: Anh Đoàn Trung D và chị Triệu Thị C lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung vợ chồng được hai bên xác nhận có xảy ra mâu thuẫn và từ đầu năm 2018 sống ly thân. Anh D cho rằng mâu thuẫn đã nặng nề, mệt mỏi đến mức anh phải tạm chuyển ra ngoài sống để tránh xung đột. Chị C cho rằng những mâu thuẫn này là nhỏ, không đến mức phải ly hôn. Qua xác minh thấy sự việc của anh chị cũng đã được tổ dân phố họp để hòa giải, tuy nhiên cho đến hiện nay anh chị vẫn chưa về sống chung để đoàn tụ. Chị C xác định còn tình cảm, mong muốn vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên chị không đưa ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, có thái độ không hợp tác, không tham gia các buổi hòa giải tại Tòa án để tìm kiếm cơ hội hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị cũng không đưa ra được bất cứ biện pháp nào để hàn gắn đoàn tụ. Chị và gia đình anh D cho rằng vì lý do tâm linh và việc anh D đang ở với người phụ nữ khác là nguyên nhân dẫn tới yêu cầu ly hôn của anh D nhưng không xuất trình được chứng cứ khoa học và chứng cứ thực tế chứng minh cho lời trình bày của mình. Bản thân chị C cũng thể hiện thái độ buông xuôi, chấp nhận cuộc sống vợ chồng mỗi người ở một nơi mà không nỗ lực, cố gắng xem xét bản thân, tìm hiểu thực tế lý do chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng để hàn gắn, tạo lập cuộc sống chung. Việc chị nói không biết vì sao anh D lại yêu cầu ly hôn cũng phần nào thể hiện sự thiếu quan tâm, thấu hiểu đến tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của chồng mình. Hội đồng xét xử nhận thấy chị C không chủ động trong việc giải quyết mâu thuẫn trong khi chị là người mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Cuộc sống chung vợ chồng cần phải có sự mong muốn, xây dựng từ cả hai bên để đạt được mục đích của hôn nhân. Xét thấy đời sống chung của anh chị không đảm bảo, mục đích hôn nhân không đạt được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đoàn Trung D đối với chị Triệu Thị C.

[2] Về con chung: Anh Đoàn Trung D, và chị Triệu Thị C xác nhận có 02 con chung là Đoàn Minh T, sinh ngày 20/1/2008 và Đoàn Minh A, sinh ngày 27/7/2011. Xét nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện thực tế của hai bên thấy nên giao cháu Đoàn Minh T cho anh Đoàn Trung D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Minh A cho chị Triệu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Các bên không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đoàn Trung D, chị Triệu Thị C cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đoàn Trung D, chị Triệu Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên Tòa không xét.

[4] Về khoản nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Anh Đoàn Trung D phải chịu toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 203; 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Trung D đối với chị Triệu Thị C. Anh Đoàn Trung D được ly hôn chị Triệu Thị C.

***Về con chung:** Xác định anh Đoàn Trung D, chị Triệu Thị C có 02 con chung là Đoàn Minh T, sinh ngày 20/1/2008 và Đoàn Minh A, sinh ngày 27/7/2011.

Giao cháu Đoàn Minh T cho anh Đoàn Trung D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Minh A cho chị Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung đối với anh Đoàn Trung D, chị Triệu Thị C cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đoàn Trung D, chị Triệu Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

***Về tài sản chung và khoản nợ chung:** Tòa án không xét.

***Về án phí:** Anh Đoàn Trung D phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0007231 ngày 26/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Anh Đoàn Trung D đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:* Anh Đoàn Trung D, chị Triệu Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Hoàng Mai
- THA DS Q.Hoàng Mai
- UBND xã L H.T
Tp Hà Nội.
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán

Tô Thanh Tú